BIỂU II: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: 2097 /QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên chương trình MTQG	KH vốn giai đoạn 2021-2025 được duyệt							Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 kỳ này			Ghi chú
		Tổng vốn ĐTPT	Ngân sách trung ương	*Trong đó:*		Ngân sách địa phương			Tổng vốn ĐTPT	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
				Từ vốn đầu tư cấp có thẩm quyền giao	*Vốn sự nghiệp chuyển sang đầu tư*	Tổng cộng	Trong đó					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/ xã				
1	**2**	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	**TỔNG SỐ**	**4.565.406**	**3.638.044**	***3.515.421***	***122.623***	**927.362**	**470.274**	**457.088**	**105.598**	**104.672**	**926**	
*	**Phân loại theo phân cấp**											
1	**Nguồn vốn thuộc cấp tỉnh (trước sắp xếp) quản lý**	**403.282**	**196.363**	***670.025***	**-**	**206.919**	**206.919**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Trong đó, số vốn đã phân bổ tiếp tục rà soát, điều chỉnh	*8.037*	*8.037*	*8.037*					-	-		
2	**Nguồn vốn thuộc kế hoạch cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý**	**4.162.124**	**3.441.681**	***2.845.396***	***122.623***	**720.443**	**263.355**	**457.088**	**105.598**	**104.672**	**926**	
-	Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	121.355	103.509	*103.213*	*296*	17.846	-	17.846	68.275	68.275	-	
-	Chuyển về cấp tỉnh	1.029.917	844.309	*799.947*	*44.363*	185.608	20.086	165.522	37.323	36.397	926	
	Trong đó, chưa phân bổ chi tiết	*41.259*	*40.333*	*40.333*	-	*926*	*790*	*136*	-	-	-	
-	Kế hoạch vốn cấp huyện đã thực hiện trước năm 2025	3.011.421	2.494.431	*2.044.945*	*77.964*	516.990	243.269	273.720	-	-	-	
	Trong đó, số vốn trung hạn đã chuyển về cấp tỉnh để phân bổ lại (tương ứng với số vốn năm 2025 giao tại Quyết định số 1148/QĐ-TTg)	*64.339*	*64.339*	*64.339*					-	-		
B	**CHI TIẾT THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH**	**4.565.406**	**3.638.044**	***3.515.421***	***122.623***	**927.362**	**470.274**	**457.088**	**105.598**	**104.672**	**926**	
I	**Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**2.421.547**	**2.226.337**	***2.189.074***	***37.263***	**195.210**	**7.092**	**188.118**	**99.692**	**99.556**	**136**	
1	**Bố trí cho các dự án (khối tỉnh)**	**116.339**	**109.247**	***109.247***		**7.092**	**7.092**	**-**				
	Trong đó, số vốn đã phân bổ tiếp tục rà soát, điều chỉnh	*8.037*	*8.037*	*8.037*								

TT	Tên chương trình MTQG	KH vốn giai đoạn 2021-2025 được duyệt							Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 kỳ này			Ghi chú
		Tổng vốn ĐTPT	Ngân sách trung ương	*Trong đó:*		Ngân sách địa phương			Tổng vốn ĐTPT	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
				Từ vốn đầu tư cấp có thẩm quyền giao	*Vốn sự nghiệp chuyển sang đầu tư*	Tổng cộng	Trong đó					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/ xã				
2	**Nguồn vốn thuộc kế hoạch cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý**	**2.305.208**	**2.117.090**	**2.079.827**	**37.263**	**188.118**	**-**	**188.118**	**99.692**	**99.556**	**136**	
-	Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	102.914	96.944	*96.648*	*296*	5.970	-	5.970	68.275	68.275		
-	Chuyển về cấp tỉnh	582.467	533.539	*531.639*	*1.901*	48.927	-	48.927	31.417	31.281	136	Chi tiết tại biểu III.6, III.6b III.7
	Trong đó, chưa phân bổ chi tiết	*35.353*	*35.217*	*35.217*	-	*136*	-	*136*				
-	Kế hoạch vốn cấp huyện đã thực hiện trước năm 2025	1.620.396	1.487.175	*1.452.110*	*35.066*	133.221	-	133.221				
	Trong đó, số vốn trung hạn đã chuyển về cấp tỉnh để phân bổ lại (tương ứng với số vốn năm 2025 giao tại Quyết định số 1148/QĐ-TTg)	*64.339*	*64.339*	*64.339*								
II	**Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững**	**587.755**	**560.778**	***560.778***		**26.977**	**2.613**	**24.364**				
1	**Bố trí cho các dự án (khối tỉnh)**	**89.729**	**87.116**			**2.613**	**2.613**					
2	**Nguồn vốn thuộc kế hoạch cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý**	**498.026**	**473.662**			**24.364**	**-**	**24.364**				
-	Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	1.200	1.200	*1.200*		-	-	-				

TT	Tên chương trình MTQG	KH vốn giai đoạn 2021-2025 được duyệt							Phân bổ chi tiết kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 kỳ này			Ghi chú
		Tổng vốn ĐTPT	Ngân sách trung ương	*Trong đó:*		Ngân sách địa phương			Tổng vốn ĐTPT	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	
				Từ vốn đầu tư cấp có thẩm quyền giao	*Vốn sự nghiệp chuyển sang đầu tư*	Tổng cộng	Trong đó					
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện/ xã				
-	Chuyển về cấp tỉnh	102.130	100.940	*100.940*		1.190	-	1.190				
	Trong đó, chưa phân bổ chi tiết	-	-	-		-	-	-				
-	Kế hoạch vốn cấp huyện đã thực hiện trước năm 2025	394.696	371.522			23.174	-	23.174				
III	**Chương trình MTQG Nông thôn mới**	**1.556.104**	**850.929**	***765.569***	***85.360***	**705.175**	**460.569**	**244.606**	**5.906**	**5.116**	**790**	
1	**Bố trí cho các dự án (khối tỉnh)**	-	-			-						
2	**Nguồn vốn thuộc kế hoạch cấp huyện (trước sắp xếp) quản lý**	**1.358.890**	**850.929**	**765.569**	**85.360**	**507.961**	**263.355**	**244.606**	**5.906**	**5.116**	**790**	
-	Phân cấp cho cấp xã sau sắp xếp	17.241	5.365	*5.365*	-	11.876	-	11.876				
-	Chuyển về cấp tỉnh	345.321	209.830	*167.368*	*42.462*	135.491	20.086	115.405	5.906	5.116	790	Chi tiết tại biểu III.6, III.6b, III.7
	Trong đó, chưa phân bổ chi tiết	*5.906*	*5.116*	*5.116*	-	*790*	790	-				
-	Kế hoạch vốn cấp huyện đã thực hiện trước năm 2025	996.328	635.734	*592.835*	*42.899*	360.594	243.269	117.325				
3	**Nguồn vốn khác bổ sung cho đầu tư (đã hoàn thành năm 2021-2024)**	**197.214**					**197.214**					